

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-01-2022

*V/v Ly hôn, nuôi con, chia tài
sản chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Bà Trịnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Thị M, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Tấn Ph, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Danh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 3 năm 2020 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Ph làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hợp nhau nên xảy ra nhiều bất đồng; vợ chồng không có sự quan tâm nhường nhịn nhau. Bà thấy cuộc sống vợ chồng nhiều áp lực và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà Danh Thị M yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn Ph.

Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Triệu Minh, sinh ngày 02/12/2020, hiện sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ chồng có cho 09 chỉ vàng 24K, số vàng này sau khi về chung sống bà đã cho mẹ chồng là bà Ngô Thị Đ mượn 04 chỉ, đưa cho anh Phát mượn 02 chỉ, còn lại 03 chỉ bà đã bán để làm chi phí khám thai và chi phí sinh con nên không còn. Tại phiên tòa bà M xác định vì ông Ph không yêu cầu chia tài sản chung nên bà chỉ yêu cầu được bà Đ trả lại bà 02 chỉ vàng 24K và yêu cầu ông Ph giao lại 01 chỉ vàng 24K là phần tài sản chung bà được nhận.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Lê Tấn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M tổ chức đám cưới vào ngày 25/02/2020 âm lịch, thời gian chung sống vì bà M đi học thường xuyên rồi về nhà lại đi làm nên ông không thể chăm sóc cho bà M được. Bà M về nhà cha mẹ ruột sống khi còn gần 02 tháng nữa sinh con. Nay vợ chồng không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Đối với Danh Triệu Minh ông xác định là do bà M mang thai trong thời gian ông và bà M tự nguyện chung sống với nhau. Tại phiên tòa ông xác định Danh Triệu Minh là con chung của ông và bà M, bà M yêu cầu nuôi con ông đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông xác định tài sản chung của vợ chồng là 12 chỉ vàng 24K cha mẹ cho trong ngày cưới chứ không phải 09 chỉ vàng 24K như bà M trình bày, sau khi cưới ông có mua cho vợ 01 nhẫn vàng 18K trị giá 2.700.000 đồng bà M đang quản lý. Sau khi về chung sống bà M có đưa cho ông 02 chỉ vàng 24K để ông làm ăn nhưng quá trình làm ăn thì có nhiều rủi ro. Ông đồng ý giao lại cho bà M 01 chỉ vàng 24K cho bà M. Tại phiên tòa ông xác định ông không yêu cầu đối với tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Ngô Thị Đ trình bày:

Trước đây khi cưới bà M cho con trai bà, bà có cho bà M 12 chỉ vàng 24K. Sau khi về sống cùng nhà thì bà thấy bà M gom đồ đi từ từ nên bà có hỏi mượn lại bà M 04 chỉ vàng 24K. Đối với số vàng này vì bà cưới bà M về làm dâu nhưng bà M không

làm gì cho gia đình nên xem như bà lấy lại số vàng này, bà không đồng ý trả lại cho bà M 04 chỉ vàng 24K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 53, 82, 83, 88, 107, 110; 116 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 494; 496 của Bộ luật dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Danh Thị M và ông Lê Tấn Ph là vợ chồng. Về tài sản chung chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà M đối với số vàng 06 chỉ vàng 24K, buộc bà Đ trả cho bà M 02 chỉ vàng 24K; buộc ông Ph giao cho bà M 01 chỉ vàng 24K. Ông Ph không yêu cầu được nhận tài sản chung nên không xem xét; về nợ chung: Không xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 494, 496 của Bộ luật dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Danh Thị M và ông Lê Tấn Ph là vợ chồng; về tài sản chung chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà M, buộc bà Đ trả cho bà M 02 chỉ vàng 24K; buộc ông Ph giao cho bà M 01 chỉ vàng 24K. Ông Ph không yêu cầu được nhận tài sản chung nên không xem xét; Nợ chung: không xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Danh Thị M yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn Ph và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa bà Danh Thị M và ông Lê Tấn Ph cùng xác định vợ chồng làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 25/02/2020 âm lịch nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù bà M và ông Ph đều xác định việc bà M và ông Ph làm đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau là trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Ph không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Danh Thị M và ông Lê Tấn Ph là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Bà Danh Thị M xác định quá trình chung sống bà và Lê Tấn Ph có 01 con chung tên Danh Triệu Minh, sinh ngày 02/12/2020, hiện sống với bà M, bà yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông Lê Tấn Ph xác định trong thời gian ông và bà M làm đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng thì bà M có mang thai và sau đó sinh con, ông xác định Danh Triệu Minh là con chung của ông và bà M và ông đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dưỡng. Xét thấy, ông Ph và bà M xác định quá trình chung sống có 01 con chung tên Danh Triệu Minh, sinh ngày 02/12/2020 chưa đủ 36 tháng tuổi và đang do bà M nuôi dưỡng và ông Ph cũng đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên Danh Triệu Minh cho bà Danh Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Tấn Ph không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Danh Thị M yêu cầu ông Lê Tấn Ph cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Ông Lê Tấn Ph đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của bà M là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông Lê Tấn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Danh Triệu Minh mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày tuyên án đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung:

Bà M xác định khi cưới cha mẹ chồng có cho 09 chỉ vàng 24K, số vàng này sau khi về chung sống bà đã cho mẹ chồng là bà Ngô Thị Đ mượn 04 chỉ, đưa cho anh Phát mượn 02 chỉ, còn lại 03 chỉ bà đã bán để làm chi phí khám thai và chi phí sinh con nên không còn. Bà yêu cầu bà Đ trả lại bà 04 chỉ vàng 24K và yêu cầu ông Ph trả lại 02 chỉ vàng 24K để bà và ông Ph chia theo quy định của pháp luật. Ông Ph cho rằng tài sản chung khi cưới cha mẹ ông cho 12 chỉ vàng 24K, khi còn chung sống bà M đưa ông 02 chỉ còn lại 10 chỉ ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông Ph cho rằng tài sản chung có 12 chỉ vàng 24K nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình của mình trong khi bà M thừa nhận khi cưới cha mẹ chồng có cho 09 chỉ vàng 24K nên tài sản chung của bà M và ông Ph cha mẹ cho trong ngày cưới là 09 chỉ vàng 24K.

Đối với tài sản chung bà M xác định đã bán 03 chỉ vàng 24K để làm chi phí khám thai, sinh con và chăm lo cho con là có cơ sở vì bà M cung cấp được cho Tòa án các tài liệu liên quan đến việc thăm khám thai định kỳ cũng như từ khi bà M sinh đến nay thì chỉ có một mình chăm sóc nuôi dưỡng con nên lời trình bày của bà M đã bán 03 chỉ vàng để làm chi phí thăm khám thai, chi phí sinh con và nuôi con là phù hợp nên được chấp nhận. Như vậy tài sản chung còn lại là 06 chỉ vàng 24K. Số vàng còn lại bà M xác định cho bà Đ mượn 04 chỉ vàng 24K và bà Đ cũng thừa nhận có mượn lại của bà M 04 chỉ vàng 24K nhưng không đồng ý trả. Ông Ph cũng thừa nhận có mượn bà M 02 chỉ vàng 24K để làm ăn không còn nhưng vẫn đồng ý giao lại cho bà M 01 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa bà M xác định chỉ yêu cầu được nhận phần tài sản bà được chia gồm 02 chỉ vàng 24K trong số vàng đã cho bà Đ mượn và yêu cầu ông Ph giao lại cho bà 01 chỉ vàng 24K. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở

chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà M. Buộc bà Đ trả cho bà M 02 chỉ vàng 24K, buộc ông Ph giao lại cho bà M 01 chỉ vàng 24K. Tổng cộng bà M được chia 03 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa ông Ph xác định không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Danh Thị M và ông Lê Tấn Ph xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí:

Bà Danh Thị M là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp được nhận lại.

Ông Lê Tấn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Bà Ngô Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 02 chỉ vàng 24K x 5.260.000 đồng/chỉ x 5% = 526.000 đồng.

(Giá vàng tại thời điểm xét xử được xác định theo bảng giá niêm yết của Hội kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 11/01/2022 vàng 24K giá 5.260.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 58, 59, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 494, 496 của Bộ luật dân sự; khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Danh Thị M và ông Lê Tấn Ph là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Danh Triệu Minh, sinh ngày 02/12/2020 cho bà Danh Thị M nuôi dưỡng. Ông Lê Tấn Ph không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Buộc ông Lê Tấn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Danh Triệu Minh mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tính ngày tuyên án đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Đối với khoản tiền phải cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của bà Danh Thị M về việc chia tài sản chung là 06 chỉ vàng 24K. Bà Danh Thị M được chia 03 (ba) chỉ vàng 24K.

Buộc bà Ngô Thị Đ trả cho bà Danh Thị M 02 (hai) chỉ vàng 24K.

Buộc ông Lê Tấn Ph giao lại cho bà Danh Thị M 01 (một) chỉ vàng 24K.

4. Về án phí:

Bà Danh Thị M không phải chịu án phí. Bà Danh Thị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006413 ngày 16/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Ông Lê Tấn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 526.000 (Năm trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi